FireAnt

CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (HSX: TIX)

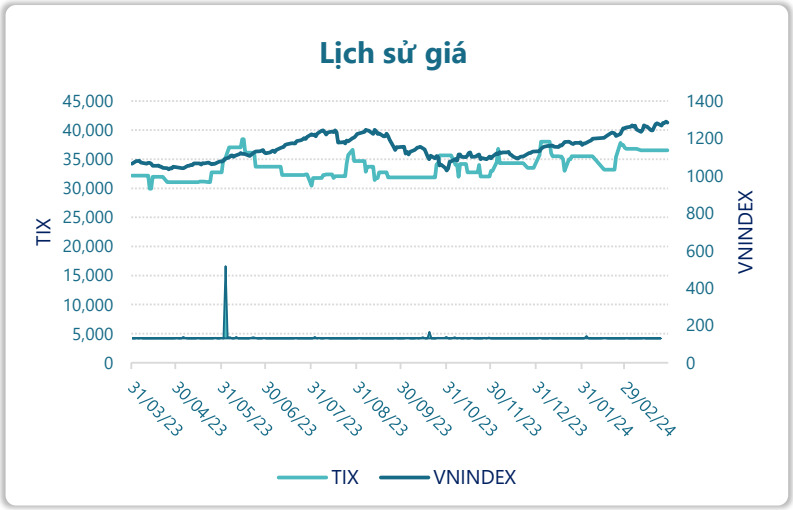

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**36,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,433
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,922
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	150
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,095
P/E	10.4
EPS	3,506

DT thuần

Q1/24

52.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.70| -1.3%

YoY: ▼1.10| -2.1%

LN sau thuế

Q1/24

28.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00| 11.8%

YoY: ▼3.20| -10.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

62.6%

+/- YoY: ▲ 7.1%

DT thuần

2023

212

tỷ VNĐ

YoY: ▼20.0| -8.5%

LN sau thuế

2023

108

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.00| 4.9%

ROE

2023

13.1%

+/- YoY: ▲ 0.5%

Kết quả kinh doanh

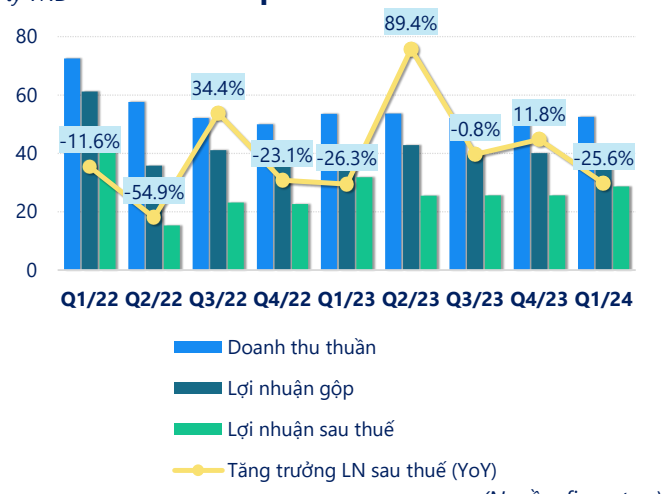

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

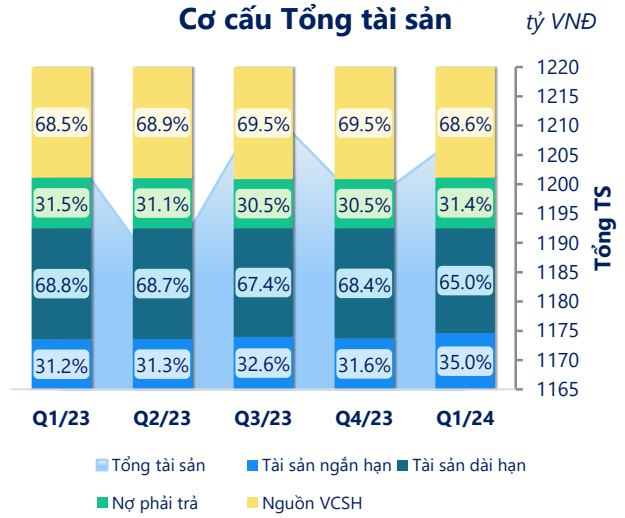

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

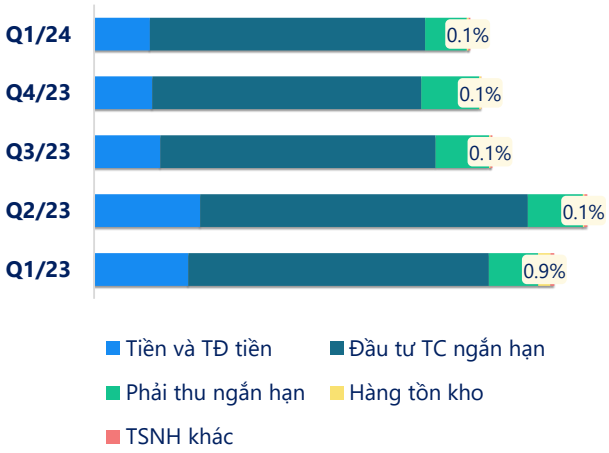

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

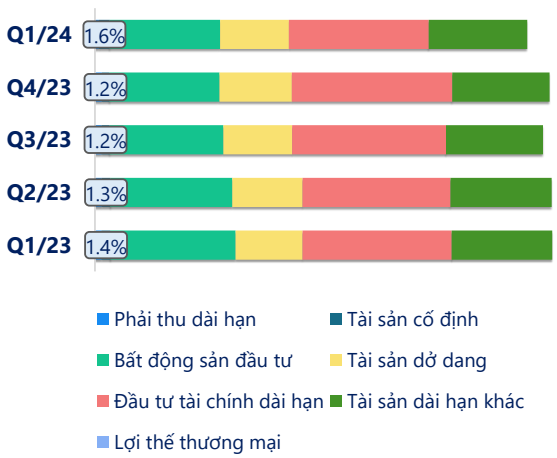

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

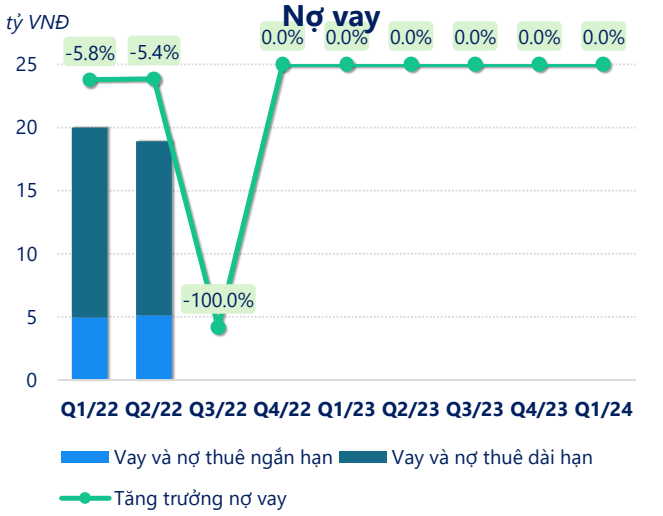

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

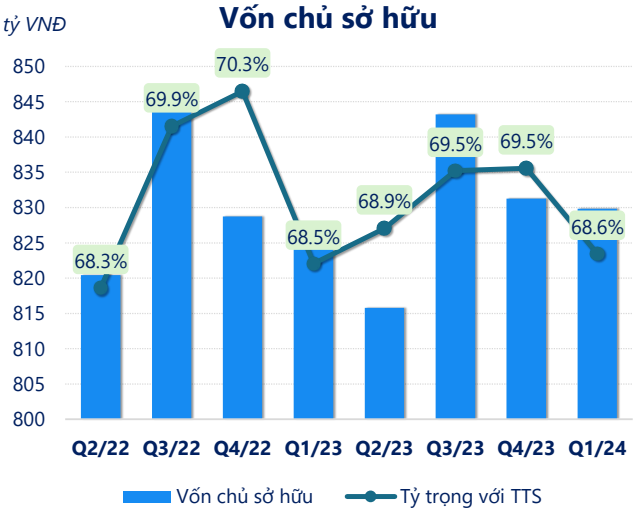

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

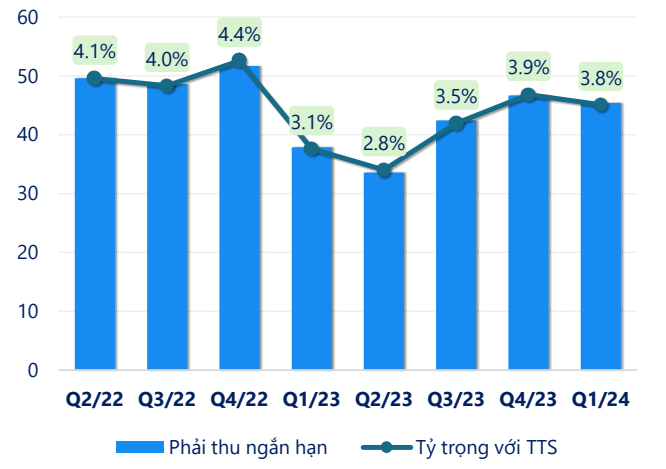

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

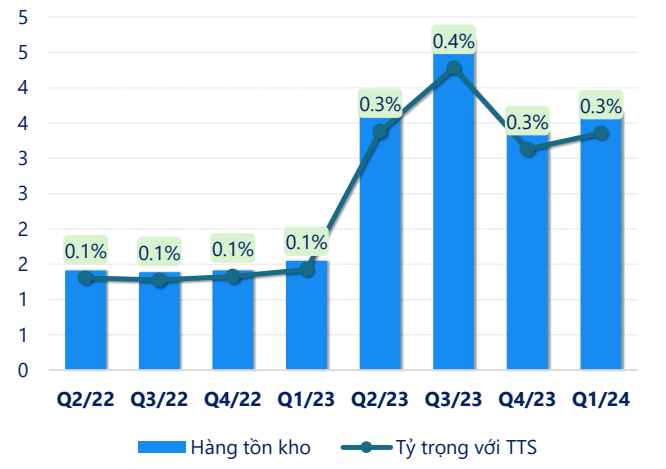

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

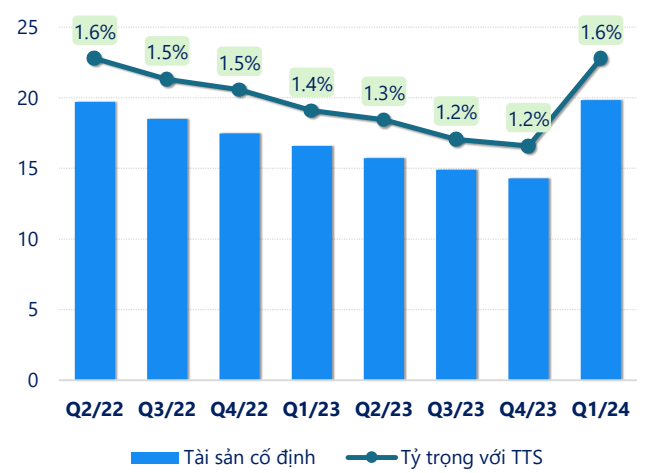

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

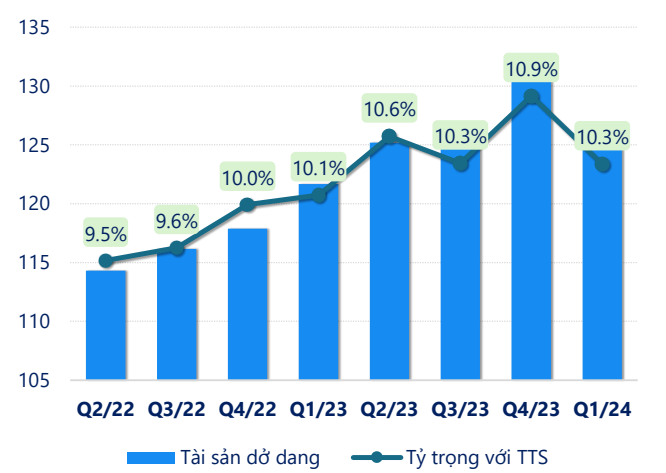

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

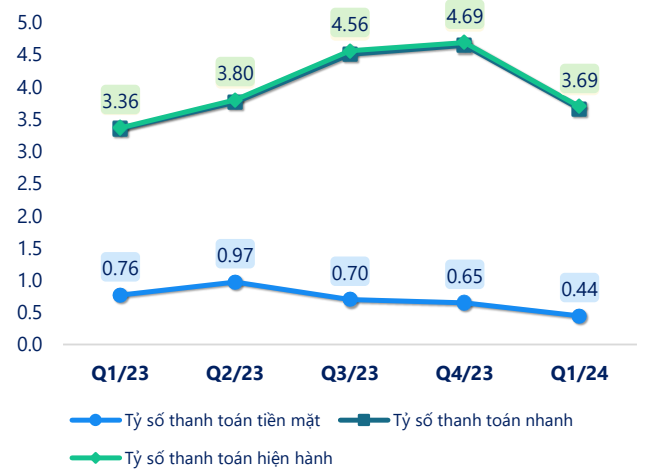

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

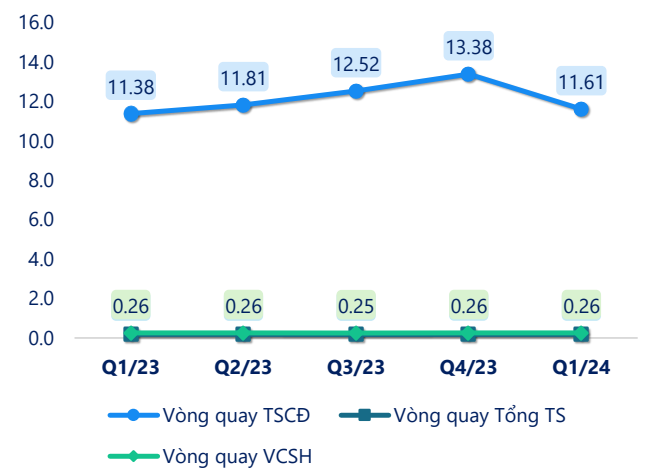

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,208**	**1,184**	**1,214**	**1,196**	**1,209**
Tài sản ngắn hạn	**377**	**371**	**396**	**378**	**423**
Tiền và tương đương tiền	85.7	94.6	60.5	52.3	50.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	250	237	286	276	323
Phải thu ngắn hạn	37.8	33.6	42.4	46.7	45.4
Hàng tồn kho	1.55	3.60	4.68	3.37	3.65
Tài sản ngắn hạn khác	1.67	2.42	1.80	0.11	0.08
Tài sản dài hạn	**831**	**813**	**818**	**818**	**786**
Phải thu dài hạn	11.9	11.9	11.9	11.9	7.28
Tài sản cố định	16.6	15.7	14.9	14.3	19.8
Bất động sản đầu tư	227	217	208	198	201
Tài sản dở dang	122	125	126	131	125
Đầu tư tài chính dài hạn	271	263	281	288	254
Tài sản dài hạn khác	183	180	177	175	179
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**380**	**368**	**371**	**365**	**379**
Nợ ngắn hạn	**112**	**97.6**	**86.8**	**80.6**	**115**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.25	3.78	2.00	3.18	2.15
Nợ dài hạn	268	271	284	284	264
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**828**	**816**	**843**	**831**	**830**
Vốn chủ sở hữu	**828**	**816**	**843**	**831**	**830**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)